

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN**



QUY TRÌNH

ĐĂNG KÝ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ
(Đã có tên ngành trong Danh mục thống kê của Thông tư 09/2022)

| | |
|------------------|----------------------|
| Mã số Quy trình | 1083 /QT-SĐH |
| Đơn vị soạn thảo | Phòng ĐT Sau đại học |
| Ngày hiệu lực | 03/11/2023 |

| XÁC NHẬN CỦA TRƯỞNG ĐƠN VỊ SOẠN THẢO QUY TRÌNH | PHÊ DUYỆT CỦA LÃNH ĐẠO TRƯỜNG |
|---|---|
| <p>TRƯỜNG PHÒNG ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC</p>  <p>Nguyễn Tuyết Phương</p> | <p>HỘI TRƯỞNG</p>  <p>Trần Lê Quan</p> |

| | | |
|--|---|---|
| <p>TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN ĐHQG-HCM</p> | QUY TRÌNH ĐĂNG KÝ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ (Dã có tên ngành trong Danh mục thống kê của Thông tư 09/2022) | Mã số: 1023 /QT- SDH Ngày có hiệu lực: 03/11/2023 |
|--|---|---|

1. Mục đích

Quy trình này nhằm chuẩn hóa việc xây dựng đề án đăng ký mở ngành đào tạo trình độ Tiến sĩ và công tác xét duyệt hồ sơ đăng ký mở ngành tại Trường Đại học Khoa học tự nhiên, ĐHQG-HCM.

2. Đối tượng áp dụng

- Văn bản này Quy định trình tự và thủ tục đăng ký Đề án đăng ký mở ngành đào tạo trình độ tiến sĩ đối với các ngành đã có tên chính thức trong Danh mục thống kê ngành đào tạo tại Thông tư 09/2022 của Bộ Giáo dục và đào tạo bao gồm: nguyên tắc, điều kiện, hồ sơ, trình tự xây dựng, thẩm định đề án mở ngành.
- Văn bản này áp dụng đối với các chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ trong nước.
- Văn bản này không áp dụng đối với các chương trình liên kết đào tạo trình độ tiến sĩ với nước ngoài.

3. Cơ sở thực hiện

- Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, định chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ. (dưới đây gọi là TT 02)
- Căn cứ Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học. (dưới đây gọi là TT 09).
- Căn cứ Quyết định số 540/QĐ-ĐHQG, ngày 09 tháng 5 năm 2023 của Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành quy định mở ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ. (dưới đây được viết tắt là QĐ 540)
- Căn cứ Quyết định số 1688/QĐ-ĐHQG ngày 18 tháng 12 năm 2022 của Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ. (dưới đây được viết tắt là QĐ 1688)

4. Giải thích từ ngữ

- Đơn vị chuyên môn gồm Khoa, Bộ môn được Hiệu trưởng giao nhiệm vụ phụ trách ngành đào tạo tiến sĩ.
- Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học là Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV đối với các trình độ của giáo dục đại học, do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành tại Thông tư 09

- Ngành phù hợp ở trình độ tiến sĩ đối với một ngành dự kiến mở ở trình độ tiến sĩ là ngành dự kiến mở; trường hợp ngành dự kiến mở chưa được đào tạo trong nước hoặc chưa có nhiều người tốt nghiệp, ngành phù hợp là ngành có nội dung kiến thức chuyên môn gần nhất và thuộc cùng nhóm ngành với ngành dự kiến mở.

- Giảng viên toàn thời gian: bao gồm giảng viên cơ hữu và giảng viên ký hợp đồng lao động xác định thời hạn từ đủ 12 tháng trở lên đang làm việc toàn thời gian tại cơ sở đào tạo đồng thời không ký hợp đồng lao động có thời hạn từ 3 tháng trở lên với đơn vị sử dụng lao động khác.

- Giảng viên thỉnh giảng trong mở ngành đào tạo là người không thuộc diện giảng viên toàn thời gian nhưng có ký hợp đồng thỉnh giảng với cơ sở đào tạo theo quy định của pháp luật, giảng dạy theo kế hoạch được phân công tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký mở ngành, được cơ sở đào tạo trả lương, thù lao theo hợp đồng thỉnh giảng với cơ sở đào tạo

5. Điều kiện đăng ký mở ngành đào tạo trình độ tiến sĩ

Đơn vị chuyên môn phải đáp ứng điều kiện chung khi mở ngành đào tạo trình độ tiến sĩ, bao gồm:

5.1. Về ngành đào tạo

a) Phù hợp với nhu cầu nguồn nhân lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, vùng, cả nước và của lĩnh vực đào tạo bảo đảm hội nhập quốc tế; bảo đảm phù hợp với quy hoạch phát triển nguồn nhân lực đã được phê duyệt và công bố của các bộ, ngành, địa phương hoặc báo cáo chính thức của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có), phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và chiến lược phát triển của cơ sở đào tạo;

b) Ngành đào tạo dự kiến mở phải có tên ngành trong danh mục thống kê ngành đào tạo của TT 09.

5.2. Đã đào tạo và cấp bằng trình độ thạc sĩ ngành tương ứng, hoặc ngành phù hợp trong trường hợp ngành đào tạo ở trình độ thạc sĩ chưa có trong Danh mục thống kê ngành đào tạo.

5.3. Đơn vị chuyên môn không đáp ứng được điều kiện quy định tại khoản 5.2 Quy trình này thì phải thuyết minh sự đáp ứng vượt trội về các điều kiện khác so với quy định tại khoản 5.2 và so với các cơ sở đào tạo trong nước, bao gồm: đội ngũ giảng viên (số lượng, trình độ, uy tín chuyên môn); cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu; năng lực và kết quả nghiên cứu khoa học; hợp tác quốc tế; số ngành đào tạo và số người học đã được cấp bằng tốt nghiệp tiến sĩ của cơ sở đào tạo; ngành đào tạo dự kiến mở thuộc lĩnh vực ưu tiên hoặc có nhu cầu cấp thiết đối với phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. ĐHQG-HCM xác minh, kiểm tra thực tế và xem xét, quyết định mở ngành trong trường hợp này.

5.4. Về đội ngũ giảng viên

a) Có đội ngũ giảng viên đủ về số lượng, bảo đảm về chất lượng để tổ chức thực hiện chương trình đào tạo (bao gồm giảng viên toàn thời gian và giảng viên thỉnh giảng), đáp ứng yêu cầu đội ngũ giảng viên theo quy định về chuẩn chương trình đào tạo của trình độ đào tạo và ngành đào tạo, trong đó giảng viên thỉnh giảng (tính theo từng năm học) chỉ đảm nhận tối đa 30% khối lượng giảng dạy ở mỗi thành phần trong chương trình đào tạo;

b) Có ít nhất 01 giáo sư hoặc 02 phó giáo sư và 03 tiến sĩ ngành phù hợp là giảng viên cơ hữu, trong đó có 01 giáo sư hoặc phó giáo sư có kinh nghiệm quản lý đào tạo hoặc giảng dạy đại học tối thiểu từ 03 năm trở lên (*không trùng với giảng viên cơ hữu là điều kiện mở ngành đào tạo trình độ tiến sĩ của các ngành khác*), chịu trách nhiệm chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo.

c) Bảo đảm về số lượng và chất lượng đội ngũ giảng viên để thực hiện chương trình đào tạo, giảng viên tham gia giảng dạy phải bảo đảm tiêu chuẩn của giảng viên giảng dạy trình độ tiến sĩ theo quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ hiện hành của ĐHQG-HCM để giảng dạy các nội dung trong chương trình đào tạo, trong đó phải có giảng viên cơ hữu với chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy đối với từng môn học, học phần trong chương trình đào tạo.

d) Bảo đảm về số lượng và tiêu chuẩn của người hướng dẫn nghiên cứu sinh theo quy định tại Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ hiện hành của ĐHQG-HCM.

5.5. Về cơ sở vật chất

a) Có cơ sở vật chất, thiết bị, thư viện, giáo trình đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập, nghiên cứu theo yêu cầu của chương trình đào tạo, đáp ứng yêu cầu về cơ sở vật chất theo quy định của chuẩn chương trình đào tạo của lĩnh vực, nhóm ngành, ngành đào tạo và các quy định của ĐHQG-HCM;

b) Có đủ phòng học, phòng thí nghiệm, phòng thực hành, cơ sở sản xuất thử nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin, hệ thống quản lý hỗ trợ học tập, quản lý đào tạo cùng các thiết bị cần thiết đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học theo yêu cầu của chương trình đào tạo, phải có kế hoạch sử dụng phòng học, phòng thí nghiệm, thực hành với diện tích và các thiết bị cụ thể của từng phòng thí nghiệm, thực hành phù hợp với số lượng học viên thực hành, thí nghiệm tại mỗi bàn và mỗi thiết bị trong mỗi phòng thí nghiệm, phòng thực hành, phù hợp với quy mô đào tạo theo yêu cầu của chương trình đào tạo cho từng năm học của khóa học;

c) Có hợp đồng hợp tác đào tạo thực hành, thực tập với các cơ sở thực hành, thực tập bên ngoài nhà trường phù hợp với kế hoạch giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học cho toàn khóa học;

d) Có thư viện truyền thống và thư viện điện tử bảo đảm đủ giáo trình, tài liệu hỗ trợ giảng dạy, học tập, nghiên cứu của giảng viên và người học; có bản quyền truy cập cơ sở dữ liệu trong nước về sách, tạp chí khoa học liên quan đến ngành đào tạo, đáp ứng yêu cầu của ngành và trình độ đào tạo, phù hợp với quy mô đào tạo; từ năm học 2023 - 2024 trở đi, yêu cầu bắt buộc cơ sở đào tạo phải có bản quyền truy cập cơ sở dữ liệu quốc tế về sách, tạp chí khoa học liên quan đến ngành đào tạo, đáp ứng yêu cầu của ngành và trình độ đào tạo, phù hợp với quy mô đào tạo;

đ) Có trang thông tin điện tử đăng tải đầy đủ thông tin yêu cầu phải công khai theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định khác có liên quan của pháp luật.

5.6. Chương trình đào tạo của ngành đề xuất mở được xây dựng, thẩm định và ban hành bảo đảm theo quy định của ĐHQG-HCM và đáp ứng chuẩn chương trình đào tạo của lĩnh vực, nhóm ngành, ngành đào tạo và phù hợp với Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

5.7. Có đơn vị chuyên môn cấp Khoa hoặc tương đương để quản lý các hoạt động chuyên môn, giảng viên, người học và các nhiệm vụ quản lý khác đối với ngành đào tạo dự kiến mở.

5.8. Phải đáp ứng các yêu cầu, điều kiện tối thiểu theo quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT và ĐHQG-HCM để sẵn sàng chuyển sang dạy học trực tuyến bảo đảm chất lượng đào tạo theo quy định.

5.8. Hội đồng trường đã có nghị quyết thông qua chủ trương mở ngành đào tạo.

6. Quy trình xét duyệt hồ sơ đăng ký mở ngành đào tạo tiến sĩ

6.1. Phê duyệt chủ trương mở ngành

Bước 1. Thành lập Tổ xây dựng Đề án mở ngành và kế hoạch thực hiện.

- Đơn vị chuyên môn gửi Phòng ĐT SĐH văn bản đề xuất mở ngành đào tạo, đề xuất thành lập tổ xây dựng Đề án và kế hoạch triển khai xây dựng đề án mở ngành (mẫu 1).

- Hiệu trưởng xét duyệt thông qua kế hoạch triển khai xây dựng đề án mở ngành và Quyết định thành lập Tổ xây dựng đề án mở ngành (dưới đây viết tắt là Tổ Đề án).

Bước 2. Xây dựng, đề xuất chủ trương mở ngành

- Tổ Đề án xây dựng và đề xuất chủ trương mở ngành đào tạo. Nội dung tờ trình đề xuất phê duyệt chủ trương mở ngành theo hướng dẫn tại mẫu 2.

- Sau khi hoàn thành tờ trình đề xuất chủ trương mở ngành đào tạo, Tổ Đề án xin ý kiến Trưởng khoa để họp lấy ý kiến giảng viên thông qua chủ trương mở ngành.

- Khoa tiến hành họp lấy ý kiến giảng viên về đề xuất chủ trương mở ngành, Ban chủ nhiệm khoa chủ trì buổi họp, Thủ ký lập biên bản họp theo mẫu 3.

Bước 3. Xét duyệt chủ trương mở ngành đào tạo

- Tổ Đề án gửi hồ sơ đăng ký phê duyệt chủ trương mở ngành tại Phòng ĐT SĐH, hồ sơ gồm:

- Tờ trình xây dựng và đề xuất phê duyệt chủ trương mở ngành đào tạo (mẫu 2)
- Biên bản họp Khoa lấy ý kiến giảng viên (mẫu 3)

- Phòng ĐT SĐH xin ý kiến thẩm định chủ trương của Hội đồng khoa học và đào tạo cấp Trường, lập biên bản họp Hội đồng (mẫu 4a) và phiếu nhận xét của các thành viên Hội đồng (mẫu 4b).

• Nếu Hội đồng khoa học và đào tạo cấp Trường chưa thông qua thì Phòng ĐT SĐH chuyển hồ sơ lại cho Tổ Đề án để chỉnh sửa theo góp ý của Hội đồng khoa học và đào tạo.

• Nếu Hội đồng khoa học và đào tạo cấp Trường thông qua thì Phòng ĐT SĐH trình Hiệu trưởng để báo cáo và trình Hội đồng trường phê duyệt chủ trương (mẫu 5)

- Hội đồng trường xét duyệt và thông qua các nội dung quy định tại *phụ lục 1*

Bước 4. Phê duyệt chủ trương

- Nếu Hội đồng trường đồng ý phê duyệt chủ trương và không có yêu cầu chỉnh sửa nội dung đề xuất chủ trương, Phòng ĐT SĐH gửi văn bản phê duyệt chủ trương đến Tổ Đề án. Tổ Đề án tiến hành xây dựng đề án mở ngành

- Nếu Hội đồng trường đồng ý phê duyệt chủ trương và có yêu cầu chỉnh sửa nội dung đề xuất chủ trương: Phòng ĐT SĐH gửi văn bản góp ý của Hội đồng trường đến Tổ Đề án, Tổ Đề án chỉnh sửa và hoàn thiện nội dung chủ trương mở ngành đào tạo theo góp ý của Hội đồng trường và trình lại Hội đồng trường xét duyệt. Sau khi Hội đồng trường ban hành văn bản phê duyệt chủ trương, Tổ Đề án tiến hành xây dựng đề án mở ngành.

- Nếu Hội đồng trường không đồng ý phê duyệt chủ trương: Tổ Đề án rà soát lại nội dung chưa đạt yêu cầu theo đề xuất theo góp ý của Hội đồng trường.

6.2. Xây dựng Đề án mở ngành đào tạo

- Tổ Đề án tiến hành xây dựng Đề án mở ngành gồm các nội dung theo hướng dẫn tại *mẫu 6*

- Sau khi hoàn thành Đề án, Tổ Đề án xin ý kiến Trưởng Khoa để họp lấy ý kiến giảng viên góp ý thông qua Đề án mở ngành.

- Khoa tiến hành họp lấy ý kiến giảng viên về hồ sơ Đề án mở ngành. Ban chủ nhiệm khoa chủ trì buổi họp, Thư ký lập biên bản họp theo *mẫu 7*.

6.3. Thẩm định Đề án mở ngành đào tạo

Bước 1. Kiểm tra rà soát đề án trước khi tiến hành thẩm định Đề án mở ngành

- Đề án sau khi được thông qua ý kiến giảng viên, Tổ Đề án gửi 01 bản in hồ sơ Đề án cho Phòng ĐT SĐH để tiến hành rà soát kiểm tra hồ sơ Đề án. Hồ sơ gồm:

- Đề án mở ngành (*mẫu 6*).
- Biên bản họp Khoa lấy ý kiến giảng viên (*mẫu 7*).
- Văn bản chỉnh sửa Đề án theo góp ý của giảng viên (nếu có- *mẫu 7a*)
- Văn bản đề nghị mở ngành đào tạo (*mẫu 8*)
- Danh sách giới thiệu thành viên phản biện và thư ký trong Hội đồng thẩm định Đề án (*mẫu 9*)

- Chuyên viên Phòng ĐT SĐH sẽ tiến hành rà soát, kiểm tra hồ sơ đăng ký mở ngành đào tạo. Lập biên bản kiểm tra rà soát hồ sơ Đề án mở ngành (*mẫu 10*)

• Nếu Đề án chưa đúng theo quy định thì Phòng ĐT SĐH chuyển hồ sơ cho Tổ Đề án để cập nhật, hiệu chỉnh bổ sung.

• Nếu hồ sơ Đề án mở ngành đầy đủ và đúng quy định, Phòng ĐT SĐH tiến hành xin ý kiến Hiệu trưởng thành lập Hội đồng thẩm định và tổ chức họp Hội đồng thẩm định xét duyệt Đề án.

Bước 2. Thẩm định Đề án mở ngành đào tạo

a) Thành lập Hội đồng thẩm định:

- Phòng ĐT SĐH trình Hiệu trưởng phê duyệt quyết định thành lập Hội đồng thẩm định.

- Phòng ĐT SĐH thông báo Tổ Đề án chuẩn bị hồ sơ gửi Hội đồng thẩm định và kế hoạch tổ chức báo cáo Đề án mở ngành.

b) Thành phần Hội đồng thẩm định

- Chủ tịch: Chủ tịch/ Phó Chủ tịch Hội đồng khoa học và đào tạo.

- Phó Chủ tịch: Trưởng/ Phó Trưởng ban Ban Đào tạo ĐHQG-HCM.
- Ủy viên phản biện: tối thiểu 02 ủy viên phản biện thuộc 02 cơ sở đào tạo khác nhau (*là giáo sư, hoặc phó giáo sư, hoặc tiến sĩ đúng ngành hoặc phù hợp*).
- Ủy viên: Trưởng/ Phó các Phòng/ Ban chức năng có liên quan.
- Thư ký: Do Khoa đề xuất (*là giảng viên thuộc Bộ môn, Khoa đăng ký mở ngành đào tạo, có học vị từ cử nhân trở lên*)
- Các thành viên đã tham gia Tổ Đề án mở ngành đào tạo hoặc đã tham gia đóng góp ý kiến cho đề án thì không được là thành viên Hội đồng thẩm định đề án mở ngành đào tạo.
- Số lượng Hội đồng thẩm định phải là số lẻ và tối thiểu 7 thành viên (không tính Thư ký).

c) Tổ chức họp Hội đồng thẩm định đề án

- Phòng ĐT SĐH tổ chức họp Hội đồng thẩm định đề án chậm nhất 45 ngày làm việc, kể từ ngày ký Quyết định thành lập Hội đồng.
- Hội đồng không được tổ chức thẩm định trong các trường hợp sau: vắng mặt chủ tịch hoặc thư ký, vắng mặt phản biện, vắng mặt từ 1/3 thành viên Hội đồng.
- Chương trình họp Hội đồng thẩm định (Phụ lục 2)
- Hội đồng thẩm định nhận xét nội dung đề án mở ngành đào tạo theo *mẫu 11*. Thư ký không viết nhận xét.
- Hội đồng thẩm định đánh giá, chấm điểm Đề án mở ngành đào tạo theo *mẫu 13*. Thư ký không đánh giá, chấm điểm.
- Thư ký lập biên bản họp Hội đồng thẩm định theo *mẫu 12*
- Chủ tịch Hội đồng thẩm định dựa trên các ý kiến của thành viên Hội đồng thẩm định và điểm đánh giá để kết luận đề án mở ngành đào tạo.
 - Kết luận phải nêu rõ: điểm đánh giá đề án mở ngành đào tạo (đánh giá là đạt nếu điểm trung bình từ 70 điểm trở lên theo thang điểm 100 điểm, thấp hơn 70 điểm là không đạt).
 - Hội đồng thông qua đề án mở ngành đào tạo nếu có yêu cầu phải chỉnh sửa, bổ sung thì nêu rõ nội dung cụ thể cần phải chỉnh sửa, bổ sung.
 - Hội đồng không thông qua đề án mở ngành đào tạo cần nêu cụ thể các nội dung chưa đạt.

d) Hiệu chỉnh đề án sau khi họp Hội đồng thẩm định.

- Hội đồng thẩm định thông qua đề án nhưng không yêu cầu chỉnh sửa: Phòng ĐT SĐH thông báo đến Tổ Đề án tiến hành nộp hồ sơ để trình Hiệu trưởng phê duyệt đề án cũng như báo cáo ĐHQG-HCM.
- Hội đồng thẩm định thông qua đề án nhưng yêu cầu chỉnh sửa: Tổ đề án thực hiện chỉnh sửa, bổ sung hoặc thuyết minh giải trình nội dung góp ý của Hội đồng theo *mẫu 14*. Văn bản thuyết sinh chỉnh sửa đề án phải được Phản biện và Chủ tịch Hội đồng thẩm định thông qua.
- Hội đồng thẩm định không thông qua đề án: Phòng ĐT SĐH hoàn trả hồ sơ cùng biên bản họp Hội đồng thẩm định đến Tổ Đề án. Tổ Đề án rà soát lại toàn bộ hồ

sơ theo góp ý của Hội đồng. Việc xét lại hồ sơ mở ngành đào tạo được tiến hành như mục 6.3 quy trình này. Thành viên Hội đồng thẩm định như Hội đồng thẩm định lần đầu.

7. Phê duyệt đề án và quyết định mở ngành đào tạo

a) Trong thời hạn 25 ngày làm việc kể từ ngày họp Hội đồng thẩm định đề án mở ngành đào tạo, Tổ Đề án hoàn thiện hồ sơ theo các góp ý của Hội đồng và gửi hồ sơ phê duyệt đề án cho Phòng ĐT SDH. Hồ sơ bao gồm:

- Đề án mở ngành đào tạo đã hoàn chỉnh theo ý kiến của Hội đồng thẩm định.
- Văn bản giải trình về các nội dung đã được điều chỉnh, bổ sung theo góp ý và có xác nhận của Hội đồng thẩm định.

b) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ mở ngành đã hiệu chỉnh theo góp ý của Hội đồng thẩm định của Tổ Đề án, Phòng ĐT SDH kiểm tra hồ sơ và trình Hiệu trưởng phê duyệt quyết định cho phép mở ngành đào tạo.

c) Trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày phê duyệt Quyết định mở ngành, Phòng ĐT SDH trình Hiệu trưởng phê duyệt chương trình đào tạo của ngành mới gồm các nội dung chính như sau: chuẩn đầu vào, chuẩn đầu ra, khung chương trình, phương thức đào tạo, dự kiến kế hoạch tuyển sinh và đào tạo trong 05 năm đầu tuyển sinh. Đồng thời công khai thông tin trên website của Phòng ĐT SDH về Quyết định mở ngành đào tạo và chương trình đào tạo.

d) Báo cáo ĐHQG-HCM:

Trong thời gian 7 ngày làm việc kể từ ngày Hiệu trưởng ký Quyết định phê duyệt mở ngành đào tạo. Phòng ĐT SDH báo cáo ĐHQG-HCM hồ sơ mở ngành đào tạo. Hồ sơ gồm

- Công văn báo cáo hồ sơ mở ngành
- Đề án mở ngành
- Quyết định phê duyệt mở ngành
- Địa chỉ truy cập trang thông tin điện tử của cơ sở đào tạo đã công khai các nội dung liên quan đến việc mở ngành đào tạo.

8. Hiệu lực thi hành

Quy trình này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế các văn bản đã ban hành trái với quy trình này./NLQ



Trần Lê Quan

MẪU HỒ SƠ ĐĂNG KÝ ĐỀ ÁN MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ

Mẫu 1. Công văn đề xuất mở ngành đào tạo và thành lập Tổ xây dựng đề án

Mẫu 2. Tờ trình xây dựng và đề xuất chủ trương mở ngành đào tạo.

Mẫu 3. Biên bản họp Khoa lấy ý kiến giảng viên về chủ trương mở ngành đào tạo.

Mẫu 4a. Biên bản họp Hội đồng Khoa học và Đào tạo cấp Trường thông qua đề xuất chủ trương mở ngành.

Mẫu 4b. Nhận xét của Hội đồng Khoa học và Đào tạo cấp Trường thông qua đề xuất chủ trương mở ngành

Mẫu 5. Công văn trình Hội đồng trường phê duyệt chủ trương.

Mẫu 6. Đề án mở ngành đào tạo trình độ tiến sĩ

Mẫu 6.1. Đề cương chi tiết môn học học phần tiến sĩ. (*Thứ tự đề cương môn học được sắp xếp theo đúng thứ tự các môn học trong khung chương trình đào tạo*)

Mẫu 6.2. Xác định điều kiện thực tế của CSĐT (về GV, về NCKH, về CSVC .v.v.)

Mẫu 6.3. Lý lịch khoa học của giảng viên.

Mẫu 7. Biên bản họp Khoa thông qua Đề án mở ngành đào tạo

Mẫu 8. Văn bản đề nghị mở ngành đào tạo

Mẫu 9. Danh sách giới thiệu thành viên phản biện, thư ký tham gia Hội đồng thẩm định.

Mẫu 10. Biên bản kiểm tra rà soát hồ sơ đăng ký mở ngành

Mẫu 11. Bản nhận xét và đánh giá thẩm định đề án.

Mẫu 12. Biên bản họp Hội đồng thẩm định

Mẫu 13. Phiếu đánh giá, chấm điểm đề án

Mẫu 14. Thuyết minh chỉnh sửa đề án theo góp ý của Hội đồng thẩm định

Phụ lục 1. Nội dung phê duyệt chủ trương mở ngành của Hội đồng trường.

Phụ lục 2. Chương trình họp Hội đồng thẩm định

**TRƯỜNG ĐH KHOA HỌC TỰ NHIÊN
KHOA**

Mẫu 1. CV đề xuất mở ngành và Tổ đề án
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP, Hồ Chí Minh, ngày tháng năm

Kính gửi: - Ban Giám hiệu

- Phòng Đào tạo Sau đại học

Căn cứ kế hoạch chiến lược của ĐHQG-HCM và Trường ĐH KHTN, trên cơ sở khảo sát nhu cầu xã hội về nguồn nhân lực lĩnh vực Khoa đề xuất xây dựng Đề án mở ngành đào tạo trình độ tiến sĩ ngành

Khoa kính gửi kế hoạch xây dựng Đề án mở ngành và danh sách thành viên Tổ xây dựng đề án mở ngành như sau:

1. Kế hoạch xây dựng Đề án mở ngành

2. Đề cử danh sách thành viên Tổ soạn thảo đề án gồm:

| Số thứ tự | Họ và tên (ghi đúng học hàm, học vị) | Đơn vị | Chức vụ trong Tổ |
|-----------|---|--------|------------------|
| 1 | | | Tổ trưởng |
| 2 | | | Thư ký |
| 3 | | | Ủy viên |
| 4 | | | Ủy viên |
| ... | | | |

Kính đề nghị Ban Giám hiệu phê duyệt kế hoạch thực hiện và Quyết định thành lập Tổ xây dựng đề án mở ngành./.

Trân trọng./.

TRƯỜNG KHOA

**TRƯỜNG ĐH KHOA HỌC TỰ NHIÊN
KHOA
Số: /TT-Tr-KHTN**

Mẫu 2. Tờ trình đề xuất chủ trương mở ngành
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ chí Minh, ngày tháng năm

Q/H/2022

TỜ TRÌNH

Về việc đề xuất chủ trương mở ngành đào tạo trình độ tiến sĩ ngành

Kính gửi: Hội đồng trường, Trường Đại học Khoa học tự nhiên
Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường Đại học Khoa học tự nhiên

- Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, định chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ.
- Căn cứ Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học.
- Căn cứ Quyết định số 540/QĐ-ĐHQG ngày 09 tháng 5 năm 2023 của Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy định mở ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ.

Trên cơ sở thông qua ý kiến giảng viên của Khoa về chủ trương mở ngành đào tạo, Khoa kính đề nghị Hội đồng trường, Hội đồng Khoa học và Đào tạo cấp Trường xem xét phê duyệt chủ trương mở ngành đào tạo trình độ tiến sĩ.

1. Thông tin về ngành đào tạo

- Tên ngành đào tạo (tiếng Việt):
- Tên ngành đào tạo (tiếng Anh):
- Mã ngành đào tạo:
- Phương thức đào tạo:
- Dự kiến chỉ tiêu hàng năm:

2. Về sự cần thiết đề xuất chủ trương mở ngành đào tạo:

- Báo cáo phân tích, thuyết minh về nhu cầu đào tạo, nhu cầu sử dụng nhân lực phục vụ thị trường lao động hiện tại và hướng đến trong thời gian tới;
- Phân tích và dự báo nhu cầu nhân lực về số lượng, trình độ, khảo sát yêu cầu về năng lực người học sau khi tốt nghiệp mà nhà tuyển dụng mong muốn và phạm vi thị trường nhân lực theo ngành đào tạo;

Bảng 1. Phân tích kết quả khảo sát nhà tuyển dụng về nhu cầu năng lực người học sau khi tốt nghiệp.

- Phân tích xu hướng phát triển ngành đào tạo trên thế giới, sự phù hợp với sự phát triển ngành và trình độ đào tạo của cơ sở đào tạo, phù hợp với sứ mạng và mục tiêu chiến lược

của cơ sở đào tạo, chiến lược quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của ngành, địa phương, vùng và cả nước;

Bảng 2. Thống kê một số chương trình đào tạo đúng ngành (hoặc ngành gần) tại các CSĐT trong và ngoài nước

| Số thứ tự | CSĐT | Tên ngành | Bậc đào tạo | Link chương trình |
|-----------|------|-----------|-------------|-------------------|
| 1 | | | | |
| 2 | | | | |

3. Về năng lực của cơ sở đào tạo:

Báo cáo phân tích, thuyết minh về năng lực hiện có của cơ sở đào tạo đối với ngành đề xuất mở, bao gồm:

- a) Đội ngũ giảng viên, Nghiên cứu khoa học, Cơ sở vật chất, Thư viện v.v. (mẫu 6.2)
- b) Hợp tác doanh nghiệp
- c) Hợp tác quốc tế

4. Chương trình đào tạo

5. Về mục tiêu phát triển ngành đào tạo đề xuất mở:

Báo cáo thuyết minh kết quả mong đợi về thời gian mở ngành đào tạo, thời gian triển khai tổ chức thực hiện chương trình đào tạo, mục tiêu đào tạo, kế hoạch và số lượng tuyển sinh, quy mô đào tạo của ngành trong thời gian từ 05 đến 10 năm tới, chất lượng đào tạo, hiệu quả và tác động xã hội.

6. Về giải pháp và lộ trình thực hiện:

Báo cáo thuyết minh các giải pháp và lộ trình về xây dựng đề án mở ngành đào tạo, xây dựng chương trình đào tạo, nhu cầu và kế hoạch đầu tư cơ sở vật chất, công nghệ và học liệu, nhu cầu và kế hoạch tuyển dụng, phát triển đội ngũ giảng viên để đáp ứng điều kiện mở ngành đào tạo, kế hoạch đánh giá và kiểm định chương trình đào tạo.

6. Về phương án phòng ngừa và xử lý rủi ro:

Báo cáo phân tích, thuyết minh dự báo các tình huống rủi ro có thể xảy ra và các biện pháp ngăn ngừa, khắc phục;

Báo cáo phân tích cụ thể về các giải pháp xử lý rủi ro trong trường hợp cơ sở đào tạo bị đình chỉ hoạt động ngành đào tạo.

7. Các văn bản đính kèm (liệt kê từng văn bản đính kèm)

- Khảo sát nhu cầu sử dụng nguồn nhân lực đào tạo, kèm phân tích khảo sát
- Minh chứng điều kiện đảm bảo mở ngành
- Biên bản họp Khoa
- Khác

BIÊN BẢN HỌP KHOA
LÁY Ý KIẾN GIẢNG VIÊN CHỦ TRƯỞNG MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ

- Tên ngành đào tạo:
- Mã ngành:
- Đơn vị phụ trách ngành đào tạo:

1. Thời gian họp:

2. Thành phần:

- Chủ trì buổi họp (*đại diện Ban chủ nhiệm Khoa*)
- Thư ký (*do Khoa đề xuất*)
- Thành viên tham dự:

3. Nội dung: xét duyệt chủ trương mở ngành đào tạo trình độ tiến sĩ

4. Nội dung thảo luận:

5. Các nội dung cần chỉnh sửa (nếu có):

6. Kết luận: thông qua / không thông qua chủ trương mở ngành đào tạo.

Buổi họp kết thúc lúc giờ phút cùng ngày./.

THƯ KÝ
(Ký tên, ghi họ tên)

CHỦ TRÌ BUỔI HỌP
(Ký tên, ghi họ tên)

Mẫu 4a. Biên bản họp HD KH ĐT cấp Trường xét chủ trương

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP.HCM
TRƯỜNG ĐH KHOA HỌC TỰ NHIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ ĐÀO TẠO CẤP TRƯỜNG
XÉT DUYỆT CHỦ TRƯƠNG MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ**

- Tên ngành đào tạo:
- Bậc đào tạo: Tiến sĩ
- Mã ngành:
- Đơn vị đào tạo: Trường Đại học Khoa học tự nhiên, ĐHQG-HCM

1. Thời gian họp:

2. Thành phần:

- Chủ trì buổi họp:
- Thư ký:
- Thành viên tham dự:
- Thành viên vắng mặt:

3. Nội dung: xét duyệt chủ trương mở ngành đào tạo trình độ tiến sĩ

4. Nội dung thảo luận: Hội đồng Khoa học và Đào tạo cấp Trường xét duyệt thông qua các nội dung sau:

4.1. Sự cần thiết đề xuất chủ trương mở ngành:

4.2. Năng lực của CSĐT

- Về đội ngũ giảng viên:
- Về cơ sở vật chất:
- Về công nghệ học liệu:
- Về Chương trình đào tạo:
- Về nghiên cứu khoa học:
- Về hợp tác doanh nghiệp và hợp tác quốc tế:

4.3. Mục tiêu phát triển ngành đào tạo:

4.4. Giải pháp và lộ trình thực hiện:

4.5. Phương án phòng ngừa và xử lý rủi ro:

5. Các nội dung cần chỉnh sửa (nếu có):

6. Kết luận: Hội đồng Khoa học và Đào tạo thông qua (không thông qua) chủ trương mở ngành đào tạo.

Buổi họp kết thúc lúc giờ phút cùng ngày./.

THƯ KÝ
(Ký tên, ghi họ tên)

CHỦ TRÌ BUỔI HỌP
(Ký tên, ghi họ tên)

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP.HCM
TRƯỜNG ĐH KHOA HỌC TỰ NHIÊN**

Mẫu 4b. Nhận xét của HD KH ĐT cấp Trường
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG NHẬN XÉT GÓP Ý
CHỦ TRƯƠNG MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ

- Tên ngành đào tạo :
- Mã ngành :
- Đơn vị đào tạo : Trường Đại học Khoa học tự nhiên, ĐHQG-HCM

1. Sự cần thiết để xuất chủ trương mở ngành:

2. Năng lực của CSĐT

- Về đội ngũ giảng viên:
- Về cơ sở vật chất:
- Về công nghệ học liệu:
- Về Chương trình đào tạo:
- Về nghiên cứu khoa học:
- Về hợp tác doanh nghiệp và hợp tác quốc tế:

3. Mục tiêu phát triển ngành đào tạo:

4. Giải pháp và lộ trình thực hiện:

5. Phương án phòng ngừa và xử lý rủi ro:

6. Các nội dung cần chỉnh sửa (nếu có):

7. Kết luận: thông qua (không thông qua) chủ trương mở ngành đào tạo.

Người nhận xét
(Ký tên, ghi họ tên)

.....

Mẫu 5. CV đề xuất HD Trường phê duyệt chủ trương

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP.HCM
TRƯỜNG ĐH KHOA HỌC TỰ NHIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm

Kính gửi: Hội đồng Trường, Trường ĐH Khoa học tự nhiên

Trên cơ sở đề xuất của Khoa về việc xây dựng Đề án mở ngành đào tạo trình độ tiến sĩ ngành Khoa đã xây dựng tờ trình đề xuất chủ trương mở ngành đào tạo

Chủ trương mở ngành tiến sĩ đã được Hội đồng Khoa học và Đào tạo cấp Trường thông qua, kính đề nghị Hội đồng Trường xét duyệt và phê duyệt chủ trương mở ngành.

Đính kèm tờ trình xây dựng chủ trương mở ngành.

Trân trọng./.

HIỆU TRƯỞNG

NỘI DUNG PHÊ DUYỆT CHỦ TRƯỞNG MỞ NGÀNH CỦA HỘI ĐỒNG TRƯỜNG

(Trích theo khoản 4, Điều 7, Thông tư 02/2022/TT-BGDDĐT, Ngày 18/01/2022)

Hội đồng Trường phê duyệt chủ trương và chịu trách nhiệm về các nội dung:

1. Định hướng phát triển ngành để xuất mở phải phù hợp với định hướng phát triển của Nhà trường, bảo đảm phù hợp với nhu cầu nguồn nhân lực của các Bộ, ngành, địa phương, cả nước và hội nhập quốc tế;
2. Bảo đảm nguồn lực để triển khai đề án mở ngành đào tạo đạt hiệu quả;
3. Đánh giá về dự báo rủi ro, các giải pháp ngăn ngừa, đề phòng rủi ro và cách thức giải quyết trong trường hợp xảy ra rủi ro khi mở ngành đào tạo.

Mẫu 6. Đề án mở ngành đào tạo

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP.HCM
TRƯỜNG ĐH KHOA HỌC TỰ NHIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thành phố, Hồ Chí Minh, ngày tháng năm

**ĐỀ ÁN
MỞ NGÀNH
TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ**

1. Một số thông tin cơ bản giới thiệu về CSĐT

2. Sự cần thiết mở ngành đào tạo: *khái quát các nội dung về chủ trương mở ngành đào tạo đã được phê duyệt; các căn cứ pháp lý để mở ngành đào tạo.*

3. Chương trình đào tạo

3.1. Thông tin chung

a) Tên ngành đào tạo:

- Tiếng Việt:
- Tiếng Anh:

b) Mã ngành đào tạo: (*lấy mã số từ Danh mục ngành đào tạo của Thông tư 09*).

c) Loại hình đào tạo:

d) Loại chương trình, phương thức đào tạo:

e) Thời gian đào tạo:

f) Tổng số tín chỉ yêu cầu:

g) Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp:

- Tiếng Việt:
- Tiếng Anh:

h) Địa điểm đào tạo:

3.2. Thông tin tuyển sinh và kế hoạch đào tạo

a) Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển, dựa trên các tiêu chí

- Xét hồ sơ dự tuyển
- Phỏng vấn chuyên môn.

• Môn ngoại ngữ: Theo qui chế tuyển sinh trình độ tiến sĩ hiện hành của ĐHQG-HCM

b) Đối tượng tuyển sinh:

- Về Văn bằng tốt nghiệp đại học: (*liệt kê các ngành TNĐH, TN ThS đủ điều kiện dự tuyển*)

- Các qui định khác: theo qui chế tuyển sinh trình độ thạc sĩ hiện hành của ĐHQG-HCM và Trường Đại học Khoa học tự nhiên.

c) Dự kiến chỉ tiêu tuyển sinh, quy mô đào tạo:

đ) Đối tượng học bổ sung kiến thức:

3.3. Mục tiêu đào tạo

a) Mục tiêu tổng quát: xác định mục tiêu tổng quát của chương trình đào tạo: năng lực về kiến thức kỹ năng đào tạo, năng lực thực hành nghề nghiệp của người tốt nghiệp, ...

b) Mục tiêu cụ thể: cụ thể hóa mục tiêu tổng quát, học viên tốt nghiệp có kiến thức, kỹ năng và năng lực về kiến thức và lập luận ngành, kỹ năng và phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp, kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp, năng lực thực hành nghề nghiệp, ...

3.4. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

| Số thứ tự | Chủ đề chuẩn đầu ra | Trình độ năng lực |
|-----------|---|-------------------|
| 1. | Kiến thức và lập luận ngành | |
| 1.1 | | |
| 1.1.1 | | |
| | ... | |
| 2. | Kỹ năng và phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp | |
| 2.1 | | |
| 2.1.1 | | |
| | ... | |
| 3. | Kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp | |
| 3.1 | | |
| 3.1.1 | | |
| | ... | |
| 4. | Năng lực thực hành nghề nghiệp | |
| 4.1 | | |
| 4.1.1 | | |

Thang trình độ năng lực

| Trình độ năng lực | Mô tả |
|-------------------|-------|
| | |

3.5. Nội dung chương trình đào tạo:

a) Khái quát chương trình: *nêu rõ các học phần và số tín chỉ yêu cầu học viên phải hoàn thành để được xét tốt nghiệp*, bao gồm:

| Đối tượng NCS | Phương thức đào tạo | Tổng số tín chỉ | Học phần bổ sung | Học phần trình độ tiến sĩ | NCKH | Luận án |
|---------------|---------------------|-----------------|------------------|---------------------------|------|---------|
| | | | | | | |

| | | | | | | |
|-----------------------------------|--|--|--|--|--|--|
| NCS chưa có bằng thạc sĩ | | | | | | |
| NCS chưa có bằng thạc sĩ | | | | | | |
| NCS đã có bằng thạc sĩ | | | | | | |
| NCS chưa có bằng thạc sĩ | | | | | | |

b) Danh mục học phần, tiểu luận tổng quan, chuyên đề

Danh mục các học phần/môn học

| TT | Mã số học phần/ môn học | Học kỳ | Tên học phần/môn học | Khối lượng (tín chỉ) | | |
|-----|-------------------------------|--------|---|----------------------|--------------|---------------------------------------|
| | | | | Tổng số | Lý thuyết | Thực hành, thí nghiệm, tài liệu |
| 1 | | 1 | Phương pháp NCKH | | | |
| ... | | 1 | Tiểu luận tổng quan | | | |
| | | | Chuyên đề tiến sĩ 1 | | | |
| | | | Chuyên đề tiến sĩ 2 | | | |
| | | | Các môn học học phần tiến sĩ | | | |
| | | | | | | |
| | | | | | | |
| | | | Tổng cộng: | | | |

c) Ma trận các môn học và kỹ năng

(Danh sách các môn học được hệ thống theo học kỳ và phân bổ giảng dạy các kỹ năng vào các môn học: mức độ giảng dạy I, T, U và trình độ năng lực yêu cầu với môn học theo trình độ năng lực)

| Học kỳ | Tên môn học | Mã số học phần/ môn học | Chuẩn đầu ra | | | | | |
|--------|-------------|-------------------------------|--------------|-----|-------|-----|-------|-----|
| | | | 2.1 | | 3.1 | | 4.1 | |
| | | | 2.1.1 | ... | 3.1.1 | ... | 4.1.1 | ... |
| 1. | | | | | | | | |
| 2. | | | | | | | | |
| | | | | | | | | |
| | | | | | | | | |

d) Danh mục các ngành đúng (không học bổ túc kiến thức)

| STT | Ngành tốt nghiệp đại học/ thạc sĩ |
|-----|-----------------------------------|
| | |

d) Danh mục các ngành phù hợp và môn bổ túc kiến thức

| STT | Ngành tốt nghiệp đại học | Các môn bổ sung/ chuyển đổi kiến thức (tên môn học, số tín chỉ) |
|-----|--------------------------|--|
| B | Danh mục ngành đúng | |
| | | 1. 2. 3. |

| STT | Ngành tốt nghiệp thạc sĩ | Các môn bổ sung/ chuyển đổi kiến thức (tên môn học, số tín chỉ) |
|-----|--------------------------|--|
| B | Danh mục ngành đúng | |
| | | 1. 2. 3. |

d) Đề cương môn học (mẫu 6.1), có xác nhận của Trưởng khoa phụ trách môn học.

e) Thông tin khác: nếu sử dụng chương trình đào tạo của một trường đại học khác hoặc chương trình đào tạo của nước ngoài, cần nêu rõ là chương trình đào tạo của trường đại học nào, nước nào (đối với chương trình đào tạo của nước ngoài) và kèm theo bản sao chương trình gốc của trường đó và khả năng của cơ sở đào tạo khi thực hiện chương trình này.

3.6. Đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học để mở ngành đào tạo: lập danh sách giảng viên theo bảng 1, bảng 2, bảng 3 của mẫu 6.2 (đính kèm LLKH- mẫu 6.3) và bản sao văn bằng TS, Quyết định bổ nhiệm chức danh của giảng viên chủ trì ngành, chủ trì giảng dạy)

3.7. Kết quả nghiên cứu khoa học: (bảng 4, bảng 5, mẫu 6.2)

3.8. Cơ sở vật chất, trang thiết bị và thư viện: (bảng 6, bảng 7, mẫu 6.2)

3.9. Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, v.v (bảng 8, mẫu 6.2)

3.10. Tổ chức bộ máy quản lý để mở ngành đào tạo

a) Xác định đơn vị chuyên môn cấp khoa hoặc tương đương để quản lý các hoạt động chuyên môn, giảng viên, người học và các nhiệm vụ quản lý khác đối với ngành đào tạo dự kiến mở

b) Phân công cán bộ quản lý chuyên môn và giao trách nhiệm, quyền hạn cho tập thể và cá nhân cán bộ quản lý chuyên môn để quản lý và tổ chức các hoạt động chuyên môn đối với ngành đào tạo dự kiến mở

- Danh sách cán bộ quản lý cấp Khoa đối với ngành đào tạo (bảng 3, mẫu 6.2)

| Số | Họ và tên, ngày tháng năm sinh, chức vụ hiện tại | Trình độ đào tạo, năm tốt nghiệp | Ngành/ chuyên ngành | Ghi chú |
|----|--|----------------------------------|---------------------|---------|
| | | | | |

3.11. Kế hoạch đảm bảo chất lượng và kiểm định chương trình đào tạo

4. Các hướng nghiên cứu, lĩnh vực hoặc đề tài nghiên cứu đang thực hiện, có khả năng nhận nghiên cứu sinh và số lượng nghiên cứu sinh có khả năng tiếp nhận hàng năm; họ tên người hướng dẫn cho từng đề tài nghiên cứu

| Số TT | Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu hoặc đề tài nghiên cứu cần nhận nghiên cứu sinh | Họ tên, học vị, chức danh khoa học người có thể hướng dẫn nghiên cứu sinh | Số lượng nghiên cứu sinh có thể nhận |
|-------|---|---|--------------------------------------|
| 1 | | | |
| 2 | | | |
| ... | | | |

5. Phương án, giải pháp để phòng, ngăn ngừa, xử lý rủi ro trong mở ngành đào tạo:

a) Phân tích tình hình phát triển kinh tế - xã hội, dự báo những biến động có thể xảy ra, phân tích điểm mạnh, điểm yếu của CSĐT và những nội dung khác có liên quan, từ đó đề xuất phương án, giải pháp để phòng, ngăn ngừa, xử lý rủi ro trong mở ngành đào tạo và triển khai tuyển sinh.

b) Thuyết minh về các giải pháp xử lý rủi ro trong trường hợp CSĐT bị đình chỉ hoạt động ngành đào tạo với các phương án, giải pháp cụ thể để bảo vệ quyền lợi cho người học, giảng viên, CSĐT và các bên liên quan.

6. Các minh chứng kèm theo đề án:

- a) Nghị quyết của Hội đồng trường phê duyệt chủ trương mở ngành đào tạo.
- b) Quyết định thành lập Tổ soạn thảo Đề án, Biên bản họp Khoa; Biên bản Hội đồng Khoa học và đào tạo cấp Trường.
- c) Hồ sơ thẩm định gồm: Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định; biên bản thẩm định; phiếu nhận xét, đánh giá; phiếu điểm; văn bản giải trình có xác nhận của Hội đồng thẩm định.
- d) Danh sách về giảng viên: bản sao các quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động, bản sao chứng thực văn bằng do cơ sở đào tạo Việt Nam cấp hoặc văn bằng do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp và giấy công nhận văn bằng do cơ quan có thẩm quyền cấp.
- d) Lý lịch khoa học của giảng viên có chữ ký của người khai (*mẫu 6.3*).
- e) Bảng thống kê về cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ thí nghiệm, thực hành, thực tập đáp ứng điều kiện mở ngành đào tạo. (*bảng 6, bảng 7, bảng 8 của mẫu 6.2*)

TỔ TRƯỞNG TỔ ĐỀ ÁN

HỘI TRƯỞNG

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP.HCM
TRƯỜNG ĐH KHOA HỌC TỰ NHIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm ...

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC (Tiếng Việt)

1. Thông tin tổng quát

- Tên môn học:

- Tên tiếng Việt:
- Tên tiếng Anh:

- Mã số môn học:

- Số tín chỉ:

- Lý thuyết
- Thực hành (bài tập, seminar, thực hành v.v.)

- Thuộc khối kiến thức

Kiến thức cơ bản

Kiến thức cơ sở ngành

Kiến thức chuyên ngành

Kiến thức khác:

Môn học chuyên về kỹ năng chung:

- Môn học tiên quyết/ môn học trước (nếu có):

- Môn học song hành:

2. Mô tả môn học: (*Vị trí của môn học đối với chương trình đào tạo (CTĐT), những mục đích và nội dung chính yếu của môn học*)

3. Tài liệu học tập (*Các giáo trình, tài liệu tham khảo, các phần mềm, không quá 5 cuốn*)

3.1. Giáo trình:

- [1] Tên tác giả (năm xuất bản), Tên giáo trình. Nơi xuất bản: Tên nhà xuất bản
[..]

3.2. Tài liệu khác:

- [1] Tên tác giả (năm xuất bản), Tên giáo trình. Nơi xuất bản: Tên nhà xuất bản
[..]

3.3. Phần mềm:

- [1] Tên hãng phần mềm (năm phát hành/phiên bản). Tên phần mềm.
[..]

4. Mục tiêu môn học: (Các mục tiêu tổng quát của môn học, thể hiện sự liên quan với các chuẩn đầu ra (X.x.x) của CTĐT và trình độ năng lực (TĐNL) được phân bổ cho môn học)

| Mục tiêu (Gx) (1) | Mô tả mục tiêu (2) | CĐR của môn học (X.x.x) (3) | TĐNL (4) |
|-------------------|--------------------|-----------------------------|----------|
| G1 | | X.x.x | |
| | | ... | |
| G2 | | X.x.x | |
| | | ... | |
| G3 | | X.x.x | |
| | | ... | |
| ... | | | |

(1): Ký hiệu mục tiêu của môn học.

(2): Mô tả các mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) và bối cảnh áp dụng tổng quát

(3), (4): Ký hiệu CĐR của CTĐT và TĐNL tương ứng được phân bổ cho môn học.

5. Chuẩn đầu ra môn học: (Các mục cụ thể hay CĐR của môn học và mức độ giảng dạy I, T, U)

| CĐR (X.x) (1) | Mô tả CĐR (2) | Mức độ giảng dạy (I, T, U) (3) |
|---------------|---------------|--------------------------------|
| G1.1 | | |
| ... | | |
| G1.1 | | |
| ... | | |
| Gx.x | | |
| ... | | |

(1): Ký hiệu CĐR của môn học

(2): Mô tả CĐR, bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR ở cấp độ 4 (X.x.x.x) và bối cảnh áp dụng cụ thể.

(3): I (Introduce): giới thiệu; T (Teach): dạy; U (Utilize): sử dụng

6. Đánh giá môn học (các thành phần, các bài đánh giá, các tiêu chí đánh giá, chuẩn đánh giá, và tỷ lệ đánh giá, thể hiện sự tương quan với các CĐR của môn học)

| Thành phần đánh giá (1) | Bài đánh giá (Ax.x) (2) | CĐR môn học (G.x.x) (3) | Tỷ lệ % (4) |
|-------------------------|-------------------------|-------------------------|-------------|
| A1. Đánh giá quá trình | A1.1 | | |
| | A1.2 | | |
| | ... | | |

| | | | |
|----------------------|------|--|--|
| A2. Đánh giá giữa kỳ | A2.1 | | |
| | ... | | |
| A3. Đánh giá cuối kỳ | A3.1 | | |
| | ... | | |

- (1): các thành phần đánh giá của môn học.
(2): các bài đánh giá
(3): các CDR được đánh giá.
(4): tiêu chí đánh giá.
(5): chuẩn đánh giá
(6): tỷ lệ điểm của các bài đánh giá trong tổng điểm môn học.

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết: (các nội dung giảng dạy theo buổi học, thể hiện sự tương quan với các CDR của môn học, các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà) và các bài đánh giá của môn học).

7.1. Lý thuyết

| Tuần/Buổi học (1) | Nội dung (2) | CDR môn học (3) | Hoạt động dạy và học (4) | Bài đánh giá (5) |
|-------------------|--|--------------------|--|--------------------|
| 1 | Chương I: 1.1 1.2 | Gx.x | Dạy: ... Học ở lớp: ... Học ở nhà: ... | Ax.x |
| ... | | | | |

- (1): Thông tin về tuần/buổi học.
(2): Liệt kê nội dung giảng dạy theo chương, mục
(3): Liệt kê CDR liên quan của môn học (ghi ký hiệu Gx.x),
(4): Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu cầu)
(5): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)

7.2. Thực hành

| Tuần/Buổi học (1) | Nội dung (2) | CDR môn học (3) | Hoạt động dạy và học (4) | Bài đánh giá (5) |
|-------------------|----------------------|--------------------|--|--------------------|
| ... | Bài thực hành 1: ... | Gx.x | Dạy: ... Học ở lớp: ... Học ở nhà: ... | Ax.x |
| ... | | | | |

- (1): Thông tin về tuần/buổi học.
(2): Liệt kê nội dung thực hành theo bài thực hành
(3): Liệt kê CDR liên quan của môn học (ghi ký hiệu Gx.x),

- (4): *Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu cầu)*
 (5): *Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)*

8. Quy định của môn học: *(Các quy định của môn học (nếu có), thí dụ: sinh viên không nộp bài tập và các báo cáo đúng hạn, được coi như không nộp bài; sinh viên vắng 2 buổi thực hành trở lên, không được phép dự thi cuối kỳ ...)*

9. Phụ trách môn học

- Khoa/Bộ môn:
- Địa chỉ và email liên hệ:

GIẢNG VIÊN
 (Người soạn đề cương)

TRƯỞNG KHOA

HIỆU TRƯỞNG

Mẫu 6.2. Xác định điều kiện thực tế của CSDT

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP.HCM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

XÁC NHẬN ĐIỀU KIỆN THỰC TẾ CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO

- Ngành dự kiến mở:
- Mã ngành:
- Trình độ đào tạo

1. Về giảng viên

Bảng 1: Danh sách giảng viên, nhà khoa học, bao gồm: giảng viên cơ hữu, giảng viên ký hợp đồng lao động xác định thời hạn từ đủ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian với cơ sở đào tạo, giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy các học phần, môn học trong chương trình đào tạo của ngành đào tạo dự kiến mở của cơ sở đào tạo

| Số TT | Họ và tên, ngày sinh | Số CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch | Chức danh khoa học, năm phong | Trình độ, nước, năm tốt nghiệp | Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp | Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến | | Mã số bảo hiểm | Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm) | Số công trình khoa học đã công bố: cấp | Ký tên | |
|-------|----------------------------|--|-------------------------------|--------------------------------|--|---|--|-----------------------|---|--|--------|------|
| | | | | | | Tuyển dụng | Hợp đồng | | | | | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) | (13) |
| 1 | Nguyễn Văn A 15/11/1966 | 092066001879 Việt Nam | GS, 2016 | TS, Việt Nam, 2002 | Nuôi trồng thủy sản | 01/08/1988 | X | HC158293061 873267 | 33 | 10 | 24 | |
| 2 | Nguyễn Thị B 20/12/1971 | 064071007451 Việt Nam | PGS, 2015 | TS, Hà Lan, 2009 | Công nghệ chế biến thủy sản | X | 15/11/2010, Hợp đồng thỉnh giảng tự trả lương | HC893527818 012345 | 8 | 3 | 12 | |
| ... | | | | | | | | | | | | |

Ghi chú: Lý lịch khoa học của giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo; giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy của ngành đào tạo dự kiến mở được đính kèm.

Bảng 2: Danh sách giảng viên, nhà khoa học tham gia giảng dạy các học phần, môn học trong chương trình đào tạo

Bảng 3: Danh sách cán bộ quản lý cấp khoa đối với ngành đào tạo dự kiến mở

| STT | Họ và tên, ngày sinh, chức vụ hiện tại | Trình độ đào tạo, năm tốt nghiệp | Ngành/ Chuyên ngành | Ghi chú |
|-----|--|----------------------------------|---------------------|---------|
| | | | | |

2. Về kết quả nghiên cứu khoa học

Bảng 4. Các đề tài nghiên cứu khoa học của cơ sở đào tạo, giảng viên, nhà khoa học liên quan đến ngành đào tạo dự kiến mở (kèm theo bản liệt kê có bản sao quyết định, bản sao biên bản nghiệm thu)

Bảng 5. Các công trình khoa học công bố của giảng viên, nhà khoa học cơ hữu liên quan đến ngành đào tạo dự kiến mở trong thời gian 5 năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ mở ngành đào tạo (kèm theo bản liệt kê có bản sao trang bìa tạp chí, trang phụ lục, trang đầu và trang cuối của công trình công bố)

| STT | Công trình khoa học | Ghi chú |
|-----|---------------------|---------|
| | | |
| | | |

Ghi chú: Công trình khoa học được liệt kê theo quy tắc sau:

- Họ tên tác giả, chữ cái viết tắt tên tác giả (Năm xuất bản), *tên sách*, lần xuất bản, nhà xuất bản, nơi xuất bản.
- Họ và chữ cái viết tắt tên tác giả (Năm xuất bản), ‘*Tên bài viết*’, *tên tập san*, số, ki/thời gian phát hành, số trang.
- Tác giả (Năm xuất bản), *tên tài liệu*, đơn vị bảo trợ thông tin, ngày truy cập.
- Họ tác giả, chữ viết tắt tên tác giả (Năm xuất bản), ‘*Tiêu đề bài viết*’, [trong] *tên kỳ yếu*, địa điểm và thời gian tổ chức, nhà xuất bản, nơi xuất bản, số trang.

3. Về cơ sở vật chất, trang thiết bị, thư viện phục vụ cho thực hiện chương trình đào tạo

Bảng 6. Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ thực hiện chương trình đào tạo

| STT | Hạng mục | Số lượng | Diện tích sàn xây dựng (m ²) | Học phần /môn học | Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học) | Ghi chú |
|-----|--|----------|--|-------------------|-------------------------------------|---------|
| 1 | Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu | | | | | |
| 1.1 | Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ | | | | | |
| 1.2 | Phòng học từ 100 - 200 chỗ | | | | | |
| 1.3 | Phòng học từ 50 - 100 chỗ | | | | | |
| 1.4 | Số phòng học dưới 50 chỗ | | | | | |
| 1.5 | Số phòng học đa phương tiện | | | | | |
| 1.6 | Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên toàn thời gian | | | | | |
| 2 | Thư viện, trung tâm học liệu | | | | | |
| 3 | Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập | | | | | |

Bảng 7. Thư viện

| STT | Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây) | Tên tác giả | Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước | Số lượng bản | Tên học phần sử dụng sách, tạp chí | Mã học phần/môn học | Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học) | Ghi chú |
|-----|---|-------------|----------------------------------|--------------|------------------------------------|---------------------|-------------------------------------|---------|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) |
| | | | | | | | | |

Bảng 8. Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập theo yêu cầu của ngành đào tạo dự kiến mở

| Danh mục hỗ trợ nghiên cứu, thí nghiệm, thực nghiệm, thực hành, thực tập, luyện tập | | | | | Tên học phần/môn học sử dụng thiết bị | Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học) | Số người học/máy, thiết bị | Ghi chú |
|---|--|-----------------------------|----------|--------|---------------------------------------|-------------------------------------|----------------------------|---------|
| STT | Tên gọi máy, thiết bị, ký hiệu và mục đích sử dụng | Nước sản xuất, năm sản xuất | Số lượng | Đơn vị | (6) | (7) | (8) | (9) |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | | | | |
| | | | | | | | | |

| Đại diện trưởng các đơn vị chuyên môn quản lý kê khai (theo từng mẫu trên) (Ký tên xác nhận) | | Thủ trưởng cơ sở đào tạo (Ký tên, đóng dấu) |
|---|--|--|
| 1. Về giảng viên | | |
| 2. Về kết quả NCKH | | |
| 3. Về cơ sở vật chất | | |
| 4. Thư viện | | |
| 5. Trung tâm NC, Phòng thí nghiệm | | |

Mẫu 6.3. Lý lịch khoa học GV

LÝ LỊCH KHOA HỌC GIÁNG VIÊN

(Thông tin trong 5 năm gần nhất)

I. Thông tin chung

1. Họ và tên: Giới tính:
2. Ngày, tháng, năm sinh: Nơi sinh:
3. Quê quán: Dân tộc:
4. Chức vụ (hiện tại hoặc trước khi nghỉ hưu):
5. Nơi đang công tác (hiện tại hoặc trước khi nghỉ hưu):
- Trường/viện:
- Phòng/ Khoa:
- Bộ môn:
- Phòng thí nghiệm:
6. Học vị cao nhất: Năm, nước nhận học vị:
7. Chức danh khoa học cao nhất: Năm bổ nhiệm:
8. Chỗ ở riêng hoặc địa chỉ liên lạc:
9. Điện thoại liên hệ: CQ: ĐĐ:
10. Email:
11. Trình độ ngoại ngữ:

| TT | Tên ngoại ngữ | Nghe | | | Nói | | | Viết | | | Đọc hiểu tài liệu | | |
|----|------------------|------|-----|----|-----|-----|----|------|-----|----|-------------------|-----|----|
| | | Tốt | Khá | TB | Tốt | Khá | TB | Tốt | Khá | TB | Tốt | Khá | TB |
| 1 | | | | | | | | | | | | | |
| 2 | | | | | | | | | | | | | |

12. Thời gian công tác:

| Thời gian | Nơi công tác | Chức vụ |
|-------------|--------------|---------|
| Từ...đến... | | |
| Từ...đến... | | |

13. Quá trình đào tạo:

| Bậc đào tạo | Thời gian | Nơi đào tạo | Chuyên ngành | Tên luận án tốt nghiệp |
|------------------|-----------|-------------|--------------|------------------------|
| Đại học | | | | |
| Thạc sĩ | | | | |
| Tiến sĩ | | | | |
| Tiến sĩ Khoa học | | | | |

14. Các lĩnh vực chuyên môn và hướng nghiên cứu

14.1. Lĩnh vực chuyên môn:

- Lĩnh vực:
- Chuyên ngành:
- Chuyên môn:

14.2. Hướng nghiên cứu:

-
-

II. Nghiên cứu và giảng dạy

1. Đề tài/dự án

| TT | Tên đề tài/dự án | Mã số & cấp quản lý | Thời gian thực hiện | Kinh phí (triệu đồng) | Chủ nhiệm/Tham gia | Ngày nghiệm thu | Kết quả |
|----|------------------|---------------------|---------------------|-----------------------|--------------------|-----------------|---------|
| 1 | | | | | | | |
| 2 | | | | | | | |

2. Hướng dẫn sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh

| TT | Tên SV, HVCH, NCS | Tên luận án | Năm tốt nghiệp | Bậc đào tạo | Sản phẩm của đề tài/dự án (chỉ ghi mã số) |
|----|-------------------|-------------|----------------|-------------|---|
| 1 | | | | Đại học | |
| 2 | | | | Thạc sĩ | |
| 3 | | | | Tiến sĩ | |

III. Các công trình đã công bố

1. Sách

1.1 Sách xuất bản Quốc tế

| TT | Tên sách | Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số) | Nhà xuất bản | Năm xuất bản | Tác giả/ đồng tác giả | Bút danh |
|----|----------|---|--------------|--------------|-----------------------|----------|
| 1 | | | | | | |
| 2 | | | | | | |
| | | | | | | |

1.2. Sách xuất bản trong nước

| TT | Tên sách | Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số) | Nhà xuất bản | Năm xuất bản | Tác giả/ đồng tác giả | Bút danh |
|----|----------|---|--------------|--------------|-----------------------|----------|
| 1 | | | | | | |
| 2 | | | | | | |

2. Các bài báo

2.1. Đăng trên tạp chí Quốc tế

| TT | Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản | Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số) | Số hiệu ISSN (ghi rõ thuộc ISI hay không) | Điểm IF |
|----|---|---|--|---------|
| 1 | | | | |
| 2 | | | | |

2.2. Đăng trên tạp chí trong nước

| TT | Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản | Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số) | Số hiệu ISSN | Ghi chú |
|----|---|---|--------------|---------|
| 1 | | | | |
| 2 | | | | |

2.3. Đăng trên kỷ yếu Hội nghị Quốc tế

| TT | Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị, thời gian tổ chức, nơi tổ chức | Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số) | Số hiệu ISBN | Ghi chú |
|----|---|---|--------------|---------|
| 1 | | | | |
| 2 | | | | |

2.4. Đăng trên kỷ yếu Hội nghị trong nước

| TT | Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị, thời gian tổ chức, nơi tổ chức | Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số) | Số hiệu ISBN | Ghi chú |
|----|---|---|--------------|---------|
| 1 | | | | |
| 2 | | | | |

IV. Các giải thưởng

1. Các giải thưởng Khoa học và Công nghệ

| TT | Tên giải thưởng | Nội dung giải thưởng | Nơi cấp | Năm cấp |
|----|-----------------|----------------------|---------|---------|
| 1 | | | | |
| 2 | | | | |

2. Bằng phát minh, sáng chế (patent)

| TT | Tên bằng | Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số) | Số hiệu | Năm cấp | Nơi cấp | Tác giả/ đồng tác giả |
|----|----------|---|---------|---------|---------|-----------------------|
| 1 | | | | | | |
| 2 | | | | | | |

3. Bằng giải pháp hữu ích

| TT | Tên giải pháp | Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số) | Số hiệu | Năm cấp | Nơi cấp | Tác giả/ đồng tác giả |
|----|---------------|---|---------|---------|---------|-----------------------|
| 1 | | | | | | |
| 2 | | | | | | |

4. Ứng dụng thực tiễn và thương mại hoá kết quả nghiên cứu

| TT | Tên công nghệ/ giải pháp hữu ích đã chuyển giao | Hình thức, quy mô, địa chỉ áp dụng | Năm chuyển giao | Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số) |
|----|---|------------------------------------|-----------------|---|
| | | | | |

| | | | | |
|---|--|--|--|--|
| 1 | | | | |
| 2 | | | | |

V. Thông tin khác

1. Tham gia các chương trình trong và ngoài nước

| TT | Thời gian | Tên chương trình | Chức danh |
|----|-----------|------------------|-----------|
| | | | |
| | | | |

2. Tham gia các Hiệp hội Khoa học, Ban biên tập các tạp chí Khoa học, Ban tổ chức các Hội nghị về KH&CN

| TT | Thời gian | Tên Hiệp hội/ Tạp chí/ Hội nghị | Chức danh |
|----|-----------|---------------------------------|-----------|
| | | | |
| | | | |

3. Tham gia làm việc tại Trường đại học/Viện/Trung tâm nghiên cứu theo lời mời

| TT | Thời gian | Tên Trường đại học/Viện/Trung tâm nghiên cứu | Nội dung tham gia |
|----|-----------|--|-------------------|
| | | | |
| | | | |

Xác nhận của cơ quan

....., ngày ... tháng ... năm

Người khai ký tên
(Ghi rõ chức danh, học vị)



**BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG KHOA
LẤY Ý KIẾN VỀ HỒ SƠ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ**

- Tên ngành đào tạo:
- Mã số ngành:
- Đơn vị phụ trách chuyên ngành đào tạo:
- Người phụ trách chuyên ngành đào tạo:

1. Thành phần tham dự: (ghi đầy đủ họ tên thành viên tham dự)

- Chủ trì buổi họp (Đại diện Ban chủ nhiệm Khoa):
- Thư ký (do Khoa đề xuất):
- Thành viên:

2. Nội dung buổi họp: Lấy ý kiến giảng viên về hồ sơ đăng ký mở đào tạo ngành đào tạo trình độ tiến sĩ

3. Tổng hợp ý kiến thảo luận về nội dung Đề án:

3.1. Cơ sở xây dựng Đề án

.....
.....
.....

3.2. Chỉ tiêu tuyển sinh (căn cứ theo khả năng, điều kiện CSVC và nhu cầu xã hội)

.....
.....
.....

3.3. Nội dung, chương trình đào tạo:

3.3.1. Mục tiêu đào tạo chương trình:

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

3.3.2. Chuẩn đầu ra của chương trình

3.3.3. Mỗi quan hệ giữa chuẩn đầu ra và mục tiêu đào tạo

3.3.4. Cơ hội việc làm của học viên sau khi tốt nghiệp (vị trí việc làm)

3.3.5. Mối quan hệ giữa các môn học và chuẩn đầu ra.

3.3.6. Chương trình đào tạo

a. Khối lượng kiến thức

b. Tính hòa nhập của chương trình so với một số trường trong khu vực và thế giới

c. Khả năng liên thông với các chương trình gần khác

d. Tính hợp lý của việc bố trí các môn học, có nên thêm hoặc bớt môn học nào không?

e. Đề cương chi tiết môn học

3.3.7. Đôi ngũ cán bộ quản lý ngành đào tạo, giảng viên tham gia chương trình

3.3.8. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy, học tập

3.3.9. Tài liệu học đáp ứng yêu cầu đào tạo

4. Ý kiến khác (nếu có)

5. Kết luận của buổi họp (Đồng ý hay không đồng ý mở chuyên ngành đào tạo; các nội dung cần bổ sung, chỉnh sửa-nếu có)

- Đủ điều kiện mở ngành đào tạo :
 - Đủ điều kiện mở ngành đào tạo (phải hoàn thiện hồ sơ):
 - Chưa đủ điều kiện mở ngành đào tạo:

Lý do

THƯ KÝ

CHỦ TRÌ BUỔI HỌP

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm

**VĂN BẢN THUYẾT MINH CHỈNH SỬA, BỔ SUNG
ĐỀ ÁN MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ NGÀNH**

Theo ý kiến đóng góp của các thành viên tham dự buổi họp lấy ý kiến về Đề án mở ngành đào tạo trình độ tiến sĩ ngành, đã họp ngày

Tổ Đề án đã chỉnh sửa và bổ sung nội dung Đề án theo các ý kiến đóng góp của giảng viên như sau:

| Số thứ tự | Ý kiến đóng góp | Nội dung giải trình |
|-----------|-----------------|---------------------|
| 1 | | |
| 2 | | |
| 3 | | |
| 4 | | |
| 5 | | |
| 6 | | |
| | | |
| | | |

Trân trọng./.

CHỦ TRÌ BUỔI HỌP

TỔ ĐỀ ÁN

Mẫu 8. Văn bản đề nghị mở ngành

**TRƯỜNG ĐH KHOA HỌC TỰ NHIÊN
KHOA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm

Kính gửi: Hiệu trưởng, Trường ĐH Khoa học tự nhiên.

Căn cứ văn bản phê duyệt chủ trương mở ngành đào tạo trình độ tiến sĩ ngành của Hội đồng trường, Tổ Đề án đã tiến hành xây dựng Đề án mở ngành theo đúng kế hoạch và quy định mở ngành hiện hành của ĐHQG-HCM

1. Tóm tắt quá trình xây dựng đề án
2. Báo cáo về việc bảo đảm đủ các điều kiện theo quy định để được mở ngành đào tạo

Kính đề nghị Hiệu trưởng xem xét thành lập Hội đồng thẩm định phê duyệt Đề án mở ngành đào tạo.

Trân trọng./.

TRƯỜNG KHOA

TỔ TRƯỞNG TỔ ĐỀ ÁN

Mẫu 9. Giới thiệu phản biện thẩm định ĐA

**TRƯỜNG ĐH KHOA HỌC TỰ NHIÊN
KHOA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm

Kính gửi: Phòng Đào tạo Sau đại học.

Khoa giới thiệu danh sách chuyên gia phản biện và thư ký trong Hội đồng thẩm định Đề án mở ngành tiến sĩ như sau:

| Sđt | Họ và tên (học hàm, học vị) | Cơ quan công tác | Điện thoại | email |
|-----|--------------------------------|------------------|------------|-------|
| | Phản biện | | | |
| 1 | | | | |
| 2 | | | | |
| 3 | | | | |
| | | | | |
| | Thư ký | | | |
| 1 | | | | |

(Phản biện là giảng viên ngoài trường, giới thiệu tối thiểu 3 thành viên)

Trân trọng./.

TRƯỞNG KHOA

**BIÊN BẢN KIỂM TRA HỒ SƠ ĐỀ ÁN ĐĂNG KÝ MỞ NGÀNH
ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ**

- Ngành đào tạo:
- Mã ngành:
- Đơn vị phụ trách đăng ký mở ngành:
- Người phụ trách chính:

Căn cứ hồ sơ nộp tại Phòng ĐT SĐH về việc đăng ký Đề án mở ngành đào tạo trình độ tiến sĩ ngày của Tổ Đề án

02 bên cùng kiểm tra nội dung hồ sơ theo các yêu cầu tại Quyết định số 540/QĐ-ĐHQG, ngày 09/5/2023 của ĐHQG-HCM, Gồm các hồ sơ sau:

| Số thứ tự | Nội dung hồ sơ | Đạt yêu cầu | Chưa đạt yêu cầu | |
|-----------|---|-------------|------------------|------------|
| | | | Cần bổ sung | Đã bổ sung |
| 1 | Tờ trình phê duyệt chủ trương mở ngành đào tạo | | | |
| 2 | Quyết định phê duyệt chủ trương mở ngành | | | |
| 3 | Văn bản đề nghị mở ngành | | | |
| 4 | Đề án mở ngành đào tạo | | | |
| 4.1 | Thông tin về ngành đào tạo: tên ngành, mã ngành, v.v | | | |
| 4.2 | Thông tin tuyển sinh | | | |
| 4.2. | Mục tiêu đào tạo | | | |
| 4.3 | Chuẩn đầu ra chương trình | | | |
| 4.5 | Nội dung chương trình | | | |
| | Khái quát chương trình | | | |
| | Khung chương trình (danh mục môn học) | | | |
| | Ma trận tương quan giữa môn học và kỹ năng | | | |
| | Kế hoạch phân bố giảng dạy | | | |
| | Danh mục ngành đúng | | | |
| | Danh mục ngành phù hợp | | | |
| | Đề cương môn học | | | |

| | | | | |
|-----|---|--|--|--|
| | Đội ngũ giảng viên (danh sách; lý lịch KH; bản sao VB, chức danh) | | | |
| | Kết quả nghiên cứu khoa học | | | |
| | Trang thiết bị, phòng học; Thư viện | | | |
| | Trung tâm NC, Phòng thí nghiệm, | | | |
| | Tổ chức quản lý | | | |
| | Kế hoạch đảm bảo chất lượng và kiểm định chương trình đào tạo | | | |
| 4.6 | Phương án, giải pháp đề phòng, ngăn ngừa, xử lý rủi ro trong mỗi ngành đào tạo | | | |
| 5 | Bảng phân tích kết quả khảo sát ý kiến của người học/ các chuyên gia/ nhà quản lý. | | | |
| 6 | Bảng so sánh CTĐT trong và ngoài nước | | | |
| VI | Biên bản họp Khoa | | | |
| VII | Biên bản họp Hội đồng KH&ĐT cấp Trường | | | |

Sau khi kiểm tra hồ sơ, ngày , 2 bên thống nhất hồ sơ đã

ĐẠT YÊU CẦU, Phòng ĐT SĐH sẽ trình Hiệu trưởng xét duyệt thành lập HD thẩm định Đề án

CHƯA ĐẠT YÊU CẦU, Tổ Đề án sẽ điều chỉnh hồ sơ và nộp lại phòng ĐT SĐH.

TỔ ĐỀ ÁN

PHÒNG ĐT SAU ĐẠI HỌC

Mẫu 11. Bản nhận xét hồ sơ mở ngành

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**BẢN NHẬN XÉT
HỒ SƠ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO**

- Tên ngành đào tạo:
- Mã ngành:
- Bậc đào tạo: **Tiến sĩ**
- Đơn vị đào tạo: Trường Đại học Khoa học tự nhiên, Đại học Quốc gia Tp.HCM

I. Một số thông tin cá nhân

1. Họ và tên:
2. Mã số thuế/ CCCD:
3. Chức vụ hiện tại:
4. Đơn vị công tác:
5. Học hàm - học vị: GS; PGS; TS; ThS; Khác

II. Nội dung

1. Sự cần thiết mở ngành đào tạo

.....
.....

2. Mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra

.....
.....

3. Điều kiện về chương trình đào tạo để mở ngành đào tạo (Cấu trúc, nội dung chương trình đào tạo)

.....
.....

4. Điều kiện về đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học để mở ngành đào tạo

.....
.....

5. Điều kiện về cơ sở vật chất để mở ngành đào tạo

.....

6. Điều kiện về tổ chức bộ máy quản lý để mở ngành đào tạo

7. Phương án, giải pháp để phòng, ngăn ngừa, xử lý rủi ro trong mở ngành đào tạo

8. Các minh chứng kèm theo đề án.

9. Ý kiến khác (nếu có)

Giảng viên thẩm định (Ký, ghi rõ họ tên)

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm

BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH ĐỀ ÁN ĐĂNG KÝ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

- Tên ngành đào tạo :
- Mã ngành :
- Bậc đào tạo : Tiến sĩ
- Đơn vị đào tạo : Trường Đại học Khoa học tự nhiên, ĐHQG-HCM

1. Thời gian:

2. Thành phần tham dự:

- thành viên Hội đồng thẩm định đề án theo quyết định số /QĐ-KHTN, ngày

- Đại diện Tổ Đề án:
- Ban chủ nhiệm Khoa
- Giảng viên tham dự:
- Ban Sau đại học:
-

3. Thành viên Hội đồng vắng mặt (nếu có): Không

4. Nội dung:

4.1. Thư ký Hội đồng công bố quyết định thành lập Hội đồng thẩm định đề án mở đào tạo trình độ tiến sĩ ngành tại trường Đại học Khoa học tự nhiên, ĐHQG-HCM.

4.2., Chủ trì và thông qua chương trình làm việc.

4.3. Đại diện Tổ Đề án trình bày tóm tắt đề án

5. Nhận xét góp ý của các thành viên Hội đồng:

6. Thuyết minh trao đổi ý kiến nhận xét của Tổ Đề án (dính kèm)

7. Kết quả đánh giá của Hội đồng

| Số thứ tự | Họ và tên TV Hội đồng | Nhiệm vụ | Điểm đánh giá (thang điểm 100) |
|-----------|-----------------------|-------------|--------------------------------|
| 1 | | Chủ tịch | |
| 2 | | Phản biện 1 | |

| | | | |
|---|------------------------------|-------------------------|--|
| 3 | | Phản biện 2 | |
| 5 | | Phản biện 3 (nếu có) | |
| 6 | | Ủy viên | |
| 7 | | Ủy viên | |
| 8 | | Ủy viên | |
| 9 | | Ủy viên | |
| | | | |
| | Tổng điểm | | |
| | Điểm trung bình chung | | |

8. Kết luận của Hội đồng:

8.2. Điểm đánh giá Đề án:

- Tổng số phiếu đánh giá : phiếu
- Tổng số điểm : điểm
- Điểm trung bình chung : điểm

8.3. Kết luận:

- Hội đồng nhất trí thông qua (không thông qua) Đề án mở ngành đào tạo tiến sĩ ngành
- Tổ Đề án ghi nhận ý kiến nhận xét của các thành viên Hội đồng và chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện Đề án theo góp ý của các thành viên Hội đồng trước khi trình Hiệu trưởng phê duyệt mở ngành đào tạo.

Buổi họp kết thúc lúc giờ phút cùng ngày./.

THƯ KÝ
(Ký tên, ghi họ tên)

CHỦ TỊCH HĐ
(Ký tên, ghi họ tên, đóng dấu)

PHIẾU ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

(dành cho Giảng viên thẩm định đề án mở ngành)

- Tên ngành đào tạo:

- Độ đào tạo:

- Mã ngành:

- Đơn vị đào tạo:

I. Một số thông tin cá nhân

1. Họ và tên:

2. Ngày, tháng, năm sinh:

3. Số CCCD:

4. Chức vụ hiện tại:

5. Đơn vị công tác:

6. Học hàm – học vị: GS; PGS; TS; ThS; khác

7. Chức danh trong Hội đồng thẩm định:

II. Phần thẩm định hồ sơ

| Số thứ tự | Nội dung | Điểm tối đa | Phần cho điểm | Ghi chú |
|-----------|---|-------------|---------------|---------|
| 1. | Sự cần thiết (nhu cầu kinh tế, xã hội, ...) | 10 | | |
| 2. | Mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra | 20 | | |
| 3. | Cấu trúc, nội dung chương trình đào tạo | 40 | | |
| 4. | Đội ngũ cán bộ giảng dạy, cán bộ khoa học đề mở ngành đào tạo | 15 | | |
| 5. | Cơ sở vật chất (lớp học, thư viện, giáo trình, cơ sở thực tập bên ngoài,...); | 15 | | |
| | Tổng cộng | 100 | | |

III. Kết luận

1. Đủ điều kiện mở ngành đào tạo (phải hoàn thiện hồ sơ):

2. Chưa đủ điều kiện mở ngành đào tạo:

Lý do

3. Ý kiến khác (nếu có):

Cán bộ thẩm định
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm

**VĂN BẢN GIẢI TRÌNH CHỈNH SỬA, BỔ SUNG
ĐỀ ÁN MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIỀN SĨ
NGÀNH**

Theo ý kiến đóng góp của các thành viên Hội đồng thẩm định Đề án mở ngành đào tạo trình độ Tiến sĩ, đã họp ngày

Tổ Đề án đã chỉnh sửa và bổ sung nội dung Đề án theo các ý kiến đóng góp nhận xét của Hội đồng như sau:

| Số thứ tự | Ý kiến đóng góp | Nội dung giải trình |
|-----------|-----------------|---------------------|
| 1 | | |
| 2 | | |
| 3 | | |
| 4 | | |
| 5 | | |
| | | |
| | | |

Một số góp ý khác đóng góp khác chúng tôi đã có giải đáp trước Hội đồng.
Kính đề nghị Chủ tịch Hội đồng xem xét thông qua đề án

Trân trọng./.

| XÁC NHẬN CỦA PHẢN BIỆN | | TỔ ĐỀ ÁN |
|-------------------------|--|----------|
| Phản biện 1 | | |
| Phản biện 2 | | |
| Phản biện 3 (nếu có) | | |

**CHỦ TỊCH
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH**

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP.HCM
TRƯỜNG ĐH KHOA HỌC TỰ NHIÊN**

**CHƯƠNG TRÌNH HỌP HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH ĐỀ ÁN
MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC**

1. Thư ký công bố Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định.
2. Chủ tịch Hội đồng chủ trì và thông qua chương trình làm việc.
3. Đại diện Tổ đề án trình bày tóm tắt nội dung chính của Đề án.
4. Phản biện đọc nhận xét góp ý và chấm điểm Đề án: *Bảng nhận xét và Phiếu chấm điểm gửi đến Thư ký Hội đồng*.
5. Ủy viên Hội đồng nhận xét góp ý và chấm điểm Đề án: *Bảng nhận xét và Phiếu chấm điểm gửi đến Thư ký Hội đồng*.
6. Tổ Đề án thuyết minh trả lời và thảo luận các ý kiến nhận xét.
7. Thư ký tổng kết điểm đánh giá.
8. Chủ tịch Hội đồng công bố kết luận đánh giá Đề án mở ngành dựa trên ý kiến nhận xét và điểm chấm của các thành viên Hội đồng:
 - a. Điểm trung bình chung của các thành viên HD ≥ 70 điểm, Hội đồng thông qua Đề án. Yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung Đề án theo góp ý các thành viên Hội đồng (nếu có).
 - b. Điểm trung bình chung của các thành viên HD < 70 điểm, Hội đồng không thông qua Đề án và phải nêu rõ lý do không được thông qua.

